

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1052/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/4/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1171/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1343/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1982

Địa chỉ: số nhà 176/8 Đường X, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1973

Hộ khẩu TT: Xóm 5 xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: số nhà 176/8 Đường X, Khu phố Y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2020 và lời trình bày của bà Đinh Thị N:

Bà và ông Hoàng Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định vào ngày 24/6/2000. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn do không còn hòa hợp, ông T thiếu quan tâm và không chia sẻ

trách nhiệm với bà trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, vợ chồng đã cố gắng nhưng không khắc phục được. Đến nay thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Hoàng Văn T.

Con chung: có ba con tên Hoàng Thị Hồng N, sinh ngày 17/6/2001, Hoàng Văn Q, sinh ngày 09/3/2003 (đã trưởng thành) và Hoàng Thị H, sinh ngày 05/12/2005. Bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Hoàng Thị H và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 14 tháng 12 năm 2020, ông Hoàng Văn T trình bày:

Theo ông cuộc sống chung của vợ chồng bình thường, năm 2006 vợ chồng thường xảy ra tranh cãi do kinh tế khó khăn. Từ đó tình cảm lạnh nhạt dần và hai bên không còn sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Ông nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: các con tên Hoàng Thị Hồng N, sinh ngày 17/6/2001, Hoàng Văn Q, sinh ngày 09/3/2003 (đã trưởng thành), ông đồng ý giao con Hoàng Thị H, sinh ngày 05/12/2005 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

Tại phiên tòa, bà Đinh Thị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Hoàng Văn T và yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị H. Ông Hoàng Văn T có đơn yêu cầu vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đinh Thị N được ly hôn ông Hoàng Văn T. Giao con chung Hoàng Thị H, sinh ngày 05/12/2005 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại thành phố T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung: xét, bà Đinh Thị N và ông Hoàng Văn T có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 24/6/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T không còn khả năng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng không còn sự quan tâm và trách nhiệm đối với nhau trong thời gian dài. Đến nay bà N yêu cầu ly hôn và ông T cũng đồng ý, tuy nhiên do ông T yêu cầu vắng mặt nên Tòa án không thể ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn. Vì vậy yêu cầu ly hôn của bà N là có cơ sở chấp nhận.

Con chung: Căn cứ lời khai của bà N, ông T phù hợp với các bản sao trích lục khai sinh số 63/TLKS-BS ngày 01/3/2016; số 94/TLKS-BS ngày 11/3/2016 và trích lục khai sinh số 289/TLKS-BS ngày 10/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã G, huyện G1, tỉnh Nam Định cấp, đủ căn cứ xác định bà N và ông T có ba người con chung, các con Hoàng Thị Hồng N, Hoàng Văn Q đã trưởng thành. Bà N có yêu cầu trực tiếp nuôi con Hoàng Thị H, ông Hoàng Văn T đồng ý, phù hợp với nguyện vọng của con được sống chung với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm quyền lợi của con cần giao con chung Hoàng Thị H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Nợ chung: đương sự xác định không có nợ chung.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: bà N phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị N;

Bà Đinh Thị N được ly hôn ông Hoàng Văn T.

2. Con chung: Giao con Hoàng Thị H (nữ), sinh ngày 05/12/2005 cho bà Đinh Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông Hoàng Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị N phải chịu án phí ly hôn 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0058185 ngày 11/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.T;
- CCTHADS Tp.T;
- Đương sự;
- UBND xã G, huyện G1,
- Tỉnh Nam Định;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thị Hiền Lữ